

Số: 87/2017/CV-HĐQT
(V/v khoản vay thương mại trung hạn từ IFC)

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2017

Kính gửi: QUÝ VỊ CỔ ĐÔNG VPBANK

Căn cứ Thông báo số 77/2017/TB-HĐQT ngày 11/07/2017 về việc chốt Danh sách cổ đông, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) kính trình Quý vị cổ đông cho ý kiến thông qua khoản vay thương mại trung hạn bằng USD từ Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), cụ thể như sau:

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) về việc chống đô la hóa nền kinh tế, chuyển từ quan hệ huy động - cho vay bằng ngoại tệ sang quan hệ mua - bán bằng ngoại tệ, từ tháng 12/2015, VPBank đã áp dụng lãi suất tối đa tiền gửi bằng USD của tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và các cá nhân là 0%/năm theo đúng Quyết định số 2589/QĐ-NHNN ngày 17/12/2015, đồng thời, từng bước điều chỉnh cơ cấu cho vay bằng ngoại tệ trong tổng danh mục tín dụng của ngân hàng. Trong giai đoạn chuyển tiếp, quy mô huy động vốn bằng USD có xu hướng giảm do ảnh hưởng của mức lãi suất 0%/năm nhưng nhu cầu vay vốn bằng ngoại tệ (mà chủ yếu là USD) để nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất - kinh doanh của khách hàng vẫn còn hiện hữu, nhất là đối với các doanh nghiệp xuất khẩu có nguồn tái tạo ngoại tệ. Đặc biệt, đây cũng chính là hoạt động tạo điều kiện cho VPBank nói riêng và các ngân hàng thương mại nói chung tạo sự khác biệt qua bán chéo các sản phẩm tài trợ thương mại, kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế, giúp vừa gia tăng nguồn thu cho ngân hàng vừa cải thiện cơ cấu thu nhập theo hướng hiện đại, với sự góp mặt ngày càng lớn của nguồn phí dịch vụ, trong khi, mức độ rủi ro tín dụng thấp hơn các hoạt động cho vay truyền thống khác.

Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) là một định chế tài chính quốc tế uy tín thuộc Ngân hàng Thế giới (World Bank), được thành lập năm 1956, với sứ mệnh hỗ trợ khu vực tư nhân bằng cách cung cấp các khoản vay trung - dài hạn, đầu tư cổ phần, bảo lãnh, quản lý rủi ro và các dịch vụ tư vấn. Để đáp ứng đủ các điều kiện và được IFC lựa chọn cho vay vốn là các tổ chức tư nhân có tiềm năng và cam kết phát triển mạnh mẽ, bền vững, gắn với yêu cầu tăng cường năng lực quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp và tính minh bạch trong hoạt động. Việc được IFC cho vay, đầu tư cổ phần là một trong các nhân tố giúp củng cố và nâng cao hơn nữa uy tín, giá trị thương hiệu của tổ chức thông qua sự giám sát và các hỗ trợ kỹ thuật của IFC trong quản trị công ty, nhất là quản trị rủi ro.

Năm 2016, VPBank đã được IFC cho vay 50 triệu USD với thời hạn 05 năm để tài trợ cho các dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) do phụ nữ làm chủ. Khoản vay này hiện đang được VPBank sử dụng hiệu quả và góp phần củng cố hệ số an toàn vốn (CAR) tối thiểu của VPBank. Tuy nhiên, hạn chế của khoản vay nói trên là giới hạn đối tượng cho vay lại chỉ ở các doanh nghiệp SME do phụ nữ làm chủ. Do đó, năm 2017, IFC đã chào VPBank một khoản vay thương mại trung hạn mới để mở rộng đối tượng cho vay lại sang toàn bộ các doanh nghiệp SME, kèm quyền chuyển đổi khoản nợ này thành cổ phần phổ thông của VPBank. Nếu thực hiện khoản vay này thì VPBank không chỉ có thêm nguồn vốn trung hạn để cho vay bằng ngoại tệ mà còn có cơ hội bổ sung nguồn vốn điều lệ để đáp ứng các yêu cầu về vốn, củng cố CAR tối thiểu theo Basel II trong trường hợp IFC thực hiện quyền chuyển đổi nợ thành cổ phần.

PHƯƠNG ÁN VAY VỐN NƯỚC NGOÀI TRUNG HẠN
KÈM QUYỀN CHUYỂN ĐỔI THÀNH CỔ PHẦN PHỔ THÔNG
(Ban hành kèm theo Công văn số 87/2017/CV-HDQT ngày 17/07/2017)



A. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC ĐÍCH VAY VỐN NƯỚC NGOÀI TRUNG HẠN

Hiện nay, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng USD của tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và cá nhân tại các Tổ chức tín dụng (TCTD) là 0%/năm (Quyết định số 2589/QĐ-NHNN ngày 17/12/2015). Vì vậy, ngành ngân hàng đã và đang phải chịu áp lực rất lớn đối với việc huy động mới bằng USD, trong khi, áp lực rút tiền gửi bằng USD của các khoản tiền gửi cũ đáo hạn đang được hưởng lãi suất cũ để chuyển sang gửi bằng VND với lãi suất hấp dẫn hơn hoặc gửi mới không kỳ hạn bằng USD ngày càng gia tăng. Thực tế, tại VPBank, đến 31/12/2016 số dư tiền gửi huy động bằng ngoại tệ (mà chủ yếu là huy động bằng USD) đã giảm tới 35% so với cùng kỳ năm 2015. Tuy nhiên, nhu cầu vay vốn bằng ngoại tệ, mà chủ yếu là vay vốn bằng USD, để phục vụ hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu của khách hàng vẫn duy trì đà tăng. Điều này đòi hỏi các ngân hàng thương mại nói chung và VPBank nói riêng cần tìm kiếm thêm các kênh huy động vốn từ nước ngoài nhằm tiếp tục đáp ứng nhu cầu vay ngoại tệ của khách hàng cũng như đảm bảo vị thế và tạo ra lợi thế riêng trong cạnh tranh, từ đó, góp phần gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng, mang lại lợi ích tổng thể, dài hạn cho ngân hàng và cổ đông.

Việc vay vốn nước ngoài không chỉ đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngắn hạn, hàng ngày của ngân hàng mà còn giúp ngân hàng cải thiện hệ số an toàn vốn (CAR) tối thiểu theo quy định của NHNN tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (các khoản vay có thời hạn từ 05 năm trở lên, đáp ứng đủ các điều kiện sẽ được hạch toán vào vốn cấp 2). Trong năm 2016, VPBank đã nhận được sự hỗ trợ từ Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) với 01 khoản vay dài hạn 05 năm trị giá 50 triệu USD để cho vay lại các dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ. Khoản vay này hiện đã được giải ngân và đang phát huy hiệu quả trên cả hai góc độ: kinh doanh (cho vay lại khách hàng) và quản trị rủi ro (góp phần cải thiện CAR).

Mặt khác, VPBank được NHNN lựa chọn là một trong 10 Ngân hàng thương mại thí điểm áp dụng việc tính toán vốn rủi ro theo Basel II dựa trên phương pháp tiêu chuẩn từ tháng 9/2017. Theo đó, mức độ đáp ứng đủ vốn là một trong các trụ cột quan trọng của Basel II. Trong khi, với mục tiêu tăng trưởng tham vọng mà ĐHCĐ thường niên 2017 của VPBank đã thông qua cho năm tài chính 2017 thì mức độ vốn cần tăng thêm là yêu cầu bắt buộc để triển khai thành công thí điểm Basel II. Vì vậy, việc huy động vốn vay dài hạn từ nước ngoài với kỳ hạn từ 5 năm trở lên hoặc các khoản vay trung hạn kèm quyền chuyển đổi thành cổ phần song song với việc tìm kiếm các kênh hợp lý khác để tăng vốn điều lệ là hết sức cần thiết.

B. PHƯƠNG ÁN VAY VỐN NƯỚC NGOÀI TRUNG HẠN KÈM QUYỀN CHUYỂN ĐỔI THÀNH CỔ PHẦN PHỔ THÔNG

1. Loại khoản vay:

vay thương mại trung hạn kèm quyền được chuyển đổi dư nợ gốc thành cổ phần phổ thông của Bên cho vay

2. Giá trị khoản vay: 57.000.000 USD (*Năm mươi bảy triệu đô la Mỹ*) ("**Khoản vay**")
3. Đồng tiền vay: USD
4. Thời hạn vay: tối đa hai (02) năm kể từ ngày ký Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi và có thể được gia hạn thêm tối đa hai (02) năm nếu cổ phiếu của VPBank không được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) trong vòng một năm kể từ ngày của Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi
5. Lãi suất vay: thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần theo nguyên tắc bằng lãi suất liên ngân hàng London (LIBOR) kỳ hạn 6 tháng + 3,2%/năm
6. Bên cho vay: Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC)
7. Giá trị khoản nợ được chuyển đổi: là số tiền tương đương với phần dư nợ gốc của Khoản vay mà IFC quyết định thực hiện quyền chuyển đổi thành cổ phần phổ thông như thỏa thuận với IFC theo quy định tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi tại Giá Chuyển đổi theo công thức nêu tại Khoản 10 dưới đây. Phần giá trị của khoản nợ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sẽ được xác định cụ thể và ghi trong thông báo chuyển đổi được gửi đến VPBank ("**Thông báo Chuyển**

đổi") tại thời điểm thích hợp như quy định tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi

8. Loại cổ phiếu chuyển đổi:

cổ phiếu phổ thông

9. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán để chuyển đổi:

tối đa 5% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành của VPBank tại thời điểm chuyển đổi hoặc số lượng lớn hơn theo sự chấp thuận của VPBank; khối lượng cụ thể sẽ được IFC xác định và thông báo cho VPBank tương ứng với mức Giá Chuyển đổi, Giá Chuyển đổi Một Cổ phần (giá phát hành riêng lẻ tính trên một cổ phần) và tỷ lệ hoán đổi theo quy định tại Khoản 10 dưới đây tại thời điểm phát hành riêng lẻ

10. Phương pháp xác định Giá Chuyển đổi, tỷ lệ hoán đổi

10.1. Giá Chuyển đổi Một Cổ phần

$$\text{Giá Chuyển đổi Một Cổ phần} = \frac{\text{Tổng giá trị tính bằng VND của giá mua được thanh toán cho tất cả giao dịch của cổ phiếu VPBank trong một ngày giao dịch theo thông báo của Sở giao dịch chứng khoán mà cổ phiếu của VPBank được niêm yết trong giai đoạn tính toán}}{\text{Tổng số cổ phiếu được giao dịch trong giai đoạn tính toán}} \times 80\%$$

Giai đoạn tính toán là: (i) sáu (06) tháng liên tục ngay trước ngày IFC phát hành Thông báo Chuyển đổi, hoặc (ii) trong một khoảng thời gian ngắn hơn tính từ ngày cổ phiếu VPBank được niêm yết trên HNX/HOSE cho đến ngày IFC phát hành Thông báo Chuyển đổi.

10.2. Giá Chuyển đổi

$$\text{Giá Chuyển đổi} = \text{Giá Chuyển đổi Một Cổ phần (như được xác định theo công thức nêu tại Khoản 10.1 nói trên) được quy đổi theo tỷ giá VND/USD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") công bố vào ngày IFC phát hành Thông báo Chuyển đổi} \times \text{số Cổ Phần Chuyển Đổi (được xác định theo quy định của Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi và được ghi trong Thông báo Chuyển đổi)}$$

10.3. Tỷ lệ hoán đổi

Tỷ lệ hoán đổi = 1 : Giá Chuyển đổi Một Cổ phần
(cứ mỗi [Giá Chuyển đổi Một Cổ phần] dư nợ gốc được chuyển đổi thành 01 cổ phần)

11. Hình thức phát hành:

chào bán riêng lẻ cho một nhà đầu tư là IFC

12. Thời điểm chuyển đổi:

bắt kỳ một thời điểm nào theo thông báo của IFC trong khoảng thời gian kể từ ngày cổ phiếu của VPBank được niêm yết trên HNX hoặc HOSE đến ngày đáo hạn cuối cùng của khoản vay thương mại trung hạn kèm quyền được chuyển đổi dư nợ gốc thành cổ phần phổ thông của Bên cho vay

13. Hạn chế chuyển nhượng:

trong phạm vi luật định, toàn bộ số cổ phiếu của đợt phát hành riêng lẻ để hoán đổi nợ vay thành cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (01) năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành

14. Khóa room sở hữu nước ngoài tương ứng sau khi phát hành thành công.

15. Thời điểm tăng vốn điều lệ:

tại thời điểm chuyển đổi, VPBank sẽ thực hiện phát hành riêng lẻ số Cổ phần Chuyển đổi (được xác định theo quy định tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi) để chuyển đổi Giá trị khoản nợ được chuyển đổi thành cổ phiếu của VPBank và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi đó. Đồng thời, VPBank cũng sẽ niêm yết bổ sung và đăng ký, lưu

ký số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi nêu trên tại HNX hoặc HOSE và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) theo đúng quy định của pháp luật

16. Tổ chức tư vấn phát hành:

ủy quyền cho Hội đồng Quản trị (HĐQT) quyết định lựa chọn Công ty tư vấn có năng lực và khả năng thực hiện thành công đợt phát hành riêng lẻ cho IFC

17. Tổ chức thẩm định giá độc lập:

ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn tổ chức có năng lực và kinh nghiệm thực hiện đánh giá phương pháp xác định giá chuyển đổi và tỷ lệ hoán đổi Giá trị khoản nợ được chuyển đổi thành cổ phần

18. Phương án sử dụng vốn:

cho vay lại đối với các doanh nghiệp vi mô, doanh nghiệp vừa và nhỏ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của IFC

C. UỶ QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DHDCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề liên quan hay phát sinh từ việc thực hiện Phương án vay vốn nước ngoài nói trên, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau đây:

1. Lập và triển khai phương án chi tiết liên quan đến việc phát hành riêng lẻ cổ phần mới cho IFC để chuyển đổi nợ thành cổ phần phổ thông ("**Phương án**") như được quy định tại Mục B nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc quyết định cụ thể thời điểm chuyển đổi, giá phát hành, số lượng cổ phần phát hành để chuyển đổi nợ, tỷ lệ chuyển đổi và phương thức chuyển đổi theo yêu cầu của IFC như quy định tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi, lựa chọn tổ chức tư vấn, tổ chức thẩm định giá độc lập và các điều khoản chi tiết khác trong phạm vi luật định.

2. Quyết định tổng giá trị giải ngân thực tế của khoản vay trong hạn mức tối đa là 57.000.000 USD (Năm mươi bảy triệu đô la Mỹ), tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhu cầu, thực tế hoạt động kinh doanh của VPBank.

3. Điều kiện chống pha loãng: trong thời gian kể từ thời điểm IFC phát hành Thông báo Chuyển đổi đến khi chuyển đổi, để đảm bảo quyền lợi của Bên cho vay, Giá Chuyển đổi sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi như sau:

(i) Trong trường hợp VPBank chia lại cổ phiếu thông qua việc chia, tách hay hình thức khác, hoặc gộp cổ phần, hoặc phát hành cổ phần bổ sung dưới hình thức cổ tức hoặc phân phối, Giá Chuyển đổi Một Cổ phần sẽ được điều chỉnh bằng cách nhân Giá Chuyển đổi Một Cổ phần có hiệu lực ngay trước khi tách, gộp hoặc phát hành cổ phần với phân số sau: *A/B, trong đó:*

+ A là tổng số cổ phần được phát hành ngay trước khi gộp, tách hoặc phát hành thêm cổ phần, tùy theo từng trường hợp; và

+ B là tổng số cổ phần được phát hành ngay sau khi và là kết quả của việc gộp, tách hoặc phát hành thêm cổ phần nêu trên, tùy theo từng trường hợp.

Việc điều chỉnh này sẽ có hiệu lực như thỏa thuận với IFC tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi.

(ii) Ngoại trừ trường hợp phát hành cổ phần theo chương trình phát hành cổ phần cho cán bộ nhân viên đã được thông báo cho IFC và được IFC phê duyệt bằng văn bản, trong trường hợp VPBank phát hành: (A) cổ phần; hoặc (B) chứng khoán vốn khác, trong từng trường hợp, việc điều chỉnh sẽ được thực hiện với mức giá phát hành, chuyển đổi hoặc trao đổi một cổ phần thấp hơn Giá Chuyển đổi Một Cổ phần có hiệu lực ngay trước khi phát hành, Giá Chuyển đổi Một Cổ phần sẽ được điều chỉnh để bằng với giá một cổ phần thấp hơn của các chứng khoán vốn và/hoặc cổ phần được phát hành này. Việc điều chỉnh này sẽ có hiệu lực theo như thỏa thuận với IFC tại Hợp đồng Khoản vay Chuyển đổi.

4. Phê chuẩn và triển khai phương án chi tiết sử dụng vốn thu được từ việc đi vay.

5. Phê chuẩn và ký các hợp đồng, tài liệu, hồ sơ khác liên quan đến Khoản vay ghi tại Điều 1 Nghị quyết này.

6. Phê chuẩn các hợp đồng, tài liệu, hồ sơ xin chấp thuận, đăng ký và các tài liệu khác liên quan đến việc: (i) vay Khoản vay kèm quyền chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, và (ii) phát hành, niêm yết, đăng ký và lưu ký số cổ phiếu phát hành phục vụ cho mục đích chuyển Giá chuyển đổi thành cổ phần ghi tại Điều 1 Nghị quyết này.

7. Quyết định mức tăng vốn điều lệ cụ thể tại từng thời điểm tương ứng với số cổ phần được phát hành cho mục đích chuyển đổi và hoàn tất các thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VPBank.

8. Tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để: (i) đăng ký Khoản vay với NHNN, (ii) hoàn tất các thủ tục phát hành riêng lẻ, niêm yết, đăng ký và lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành cho mục đích chuyển đổi nói trên tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, HNX hoặc HOSE và VSD, (iii) sửa đổi, bổ sung xác nhận đăng ký Khoản vay với NHNN và các cơ quan khác có liên quan sau khi phát hành riêng lẻ theo quy định pháp luật Việt Nam, và (iv) thực hiện các thủ tục cần thiết nhằm sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan của Điều lệ và Giấy phép của VPBank sau khi hoàn tất việc phát hành riêng lẻ theo quy định của pháp luật.

9. Quyết định rằng khi IFC thực hiện quyền chuyển đổi nợ thành cổ phần phổ thông, sẽ thông qua một nghị quyết chấp thuận các vấn đề liên quan trong phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc chuyển đổi nợ thành cổ phần phổ thông, cũng như việc phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho IFC để thực hiện việc chuyển đổi theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VPBank (nếu cần thiết). HĐQT sẽ trình các vấn đề này cho Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

10. Quyết định các công việc khác có liên quan hay phát sinh từ việc thực hiện Khoản vay kèm quyền chuyển đổi thành cổ phần phổ thông như ghi tại Mục B nói trên.

